

Số: 06/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 1965/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết thông qua nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 với những nội dung sau đây:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch

Phạm vi, ranh giới, diện tích lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An được xác định trên cơ sở phạm vi, ranh giới, diện tích tại các Quyết định số 69/2009/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Theo đó, Khu kinh tế Định An có diện tích tự nhiên là 39.020 ha, gồm thị trấn Định An, xã Định An và một phần các xã Hàm Tân, Đại An thuộc huyện Trà Cú; phường 1, xã Long Toàn, xã Dân Thành, xã Trường Long Hòa và một phần phường 2 thuộc thị xã Duyên Hải; thị trấn Long Thành, xã Long Khánh, xã Long Vĩnh, xã Đông Hải và một phần các xã Ngũ Lạc, Đôn Xuân, Đôn Châu thuộc huyện Duyên Hải. Phạm vi ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường tỉnh 914, xã Long Hữu, Hiệp Thạnh (thị xã Duyên Hải), xã Kim Sơn (huyện Trà Cú).

- Phía Tây Nam: Giáp sông Hậu và cửa biển Định An.

- Phía Nam và Đông Nam: Giáp biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 42 km.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch có xem xét tổng thể không gian tiếp giáp biển, đảm bảo thống nhất với ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

3. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

4. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

- Phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam và định hướng phát triển của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Xây dựng Khu kinh tế Định An trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm kinh tế và phát triển năng lượng tái tạo của tỉnh Trà Vinh và vùng đồng bằng sông Cửu Long; đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, cửa ngõ ra biển Đông của hành lang sông Hậu thông qua Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào

sông Hậu và cảng biển nước sâu; là cầu nối quốc tế của các thị trường Campuchia, Lào, Thái Lan,...

- Đáp ứng các yêu cầu mới trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và vùng; tạo điều kiện khả thi để thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong phát triển Khu kinh tế hiện nay như phát triển đô thị, dịch vụ, hạ tầng, giao thông, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý phát triển, đầu tư xây dựng các khu vực trong Khu kinh tế và hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung của Khu kinh tế theo quy hoạch.

5. Tính chất Khu kinh tế Định An

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị ven biển và nông - lâm - ngư nghiệp gắn phát triển năng lượng tái tạo và kinh tế biển.

- Là một trong những trung tâm kinh tế biển, đô thị ven biển, năng lượng tái tạo, văn hóa, du lịch sinh thái rừng ngập mặn của tỉnh Trà Vinh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Là cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Bộ.

- Là khu vực bảo tồn và phát huy giá trị sinh thái, thích ứng hiệu quả với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Có vị trí quan trọng chiến lược về an ninh quốc phòng.

6. Dự báo quy mô phát triển

a) Dự báo sơ bộ quy mô dân số

- Dân số hiện trạng: Khoảng 125.269 người.

- Dân số đến năm 2030: Khoảng 158.000 - 160.000 người.

- Dân số đến năm 2040 : Khoảng 190.000 - 195.000 người.

b) Dự báo sơ bộ quy mô đất đai

- Đất xây dựng đến năm 2030: Khoảng 3.000-3.200 ha.

- Đất xây dựng đến năm 2040: Khoảng 3.500 -3.700ha.

(Dự báo quy mô đất đai và dân số sẽ được luận cứ, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch).

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng theo các tiêu chí tương đương đô thị từ loại V-III, các khu chức năng đặc thù phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, có xét đến các yếu tố đặc thù khác của khu kinh tế.

(Các chỉ tiêu cụ thể sẽ luận cứ, xác định trong giai đoạn nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch chung).

7. Yêu cầu, nội dung cần nghiên cứu

- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An cần nghiên cứu trên cơ sở nền bản đồ địa hình theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng và quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ có liên quan.

- Trên cơ sở rà soát, kế thừa các yếu tố hợp lý của đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011, phân tích đánh giá các định hướng chiến lược của quốc gia, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Trà Vinh đối với Khu kinh tế Định An nhằm khai thác phát triển tối ưu các quỹ đất, tiềm năng phát triển từng khu vực; đề xuất các khu chức năng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hợp lý cho khu kinh tế.

8. Phân tích, đánh giá vai trò, vị thế, tiềm năng và động lực phát triển

- Nghiên cứu tổng quan để xác định vai trò và vị thế của Khu kinh tế Định An trong hệ thống khu kinh tế ven biển phía Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Trà Vinh; đánh giá tương quan với các Khu kinh tế ven biển khác tại Việt Nam.

- Nghiên cứu các tác động trực tiếp và gián tiếp giữa Khu kinh tế Định An với các đô thị thuộc tỉnh Trà Vinh và các khu vực lân cận như thị xã Duyên Hải, huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải,...

- Đánh giá vai trò của cảng biển Trà Vinh, nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, kênh đào Trà Vinh đối với việc phát triển Khu kinh tế; phân tích mối quan hệ với cảng biển Trần Đề (Sóc Trăng) để làm rõ khả năng đáp ứng, yêu cầu phát triển và xác định vai trò, chức năng trong khu vực.

- Phân tích, đánh giá về tiềm năng, động lực phát triển của Khu kinh tế Định An trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh; phân tích các cơ sở về nguồn lực và khả năng huy động phát triển, làm cơ sở xác định các khu vực chức năng cần hình thành trong khu kinh tế.

9. Dự báo phát triển và lựa chọn chỉ tiêu kinh tế - xã hội

- Dự báo quy mô dân số, quy mô lao động, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu và từng khu vực phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, có xét đến các yếu tố đặc thù của khu kinh tế; dự báo phát triển dân số cần phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Dự báo quy mô đất xây dựng để phát triển kinh tế - xã hội trong khu kinh tế trên cơ sở phân tích các lợi thế cạnh tranh giữa khu kinh tế và các khu vực khác trong vùng tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Duyên hải Đông Nam Bộ và các ưu tiên phát triển trong khu kinh tế.

10. Điều chỉnh định hướng phát triển không gian khu kinh tế

- Đề xuất mô hình phát triển, hướng phát triển của khu kinh tế phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Trà Vinh; phù hợp với yêu cầu quản lý phát triển các đô thị Duyên Hải,

Long Thành, Định An và phương án tổ chức các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Mô hình phát triển cần xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực như: giao thông, công thương, du lịch, nông nghiệp phát triển nông thôn, an ninh, quốc phòng,... để đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đề xuất định hướng và nguyên tắc quản lý đối với các khu vực chức năng phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch, nông thôn, sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp,... trên nguyên tắc hài hòa về không gian, hợp lý linh hoạt trong liên kết chia sẻ chức năng và thuận lợi trong kiểm soát phát triển; phù hợp với điều kiện tự nhiên và khả năng kết nối hạ tầng kết hợp các yếu tố đặc thù của khu vực. Trong đó, tập trung đề xuất định hướng đối với các khu vực:

+ Khu vực phát triển công nghiệp - dịch vụ - đô thị và dân cư nông thôn: Bố trí không gian xây dựng hợp lý, hiệu quả trên cơ sở điều kiện hiện trạng, kết nối thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung và phù hợp với định hướng phát triển ngành lĩnh vực liên quan và định hướng phát triển chung của các đô thị trong khu kinh tế để thống nhất trong quản lý và triển khai thực hiện.

+ Khu vực phát triển du lịch - không gian xanh: Khai thác đặc trưng về cảnh quan, sinh thái biển, rừng ngập mặn và văn hóa tại Ba Động, vùng cảnh quan ven sông Long Toàn, khu vực cửa biển gắn với cảng Định An,... để định hướng phát triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí mang tầm quốc gia, quốc tế với các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch văn hóa.

+ Khu vực phát triển nông - lâm - ngư nghiệp: Nghiên cứu phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao trên cơ sở khai thác tối đa điều kiện tự nhiên. Hình thành không gian nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp với phát triển năng lượng tái tạo trong bờ và ngoài khơi.

+ Các khu vực chức năng đặc thù khác trong khu kinh tế theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bao gồm: Khu vực thuộc khu phi thuế quan (logistic), khu kho ngoại quan; các khu kinh doanh cảng và dịch vụ cảng; ...

- Xác định rõ phạm vi, giới hạn phát triển không gian của khu vực đô thị, cần kiểm soát phát triển theo quy hoạch chung đô thị; các khu vực cần quy hoạch phân khu xây dựng; quy hoạch chung xây dựng xã để quản lý phát triển.

- Xác định hệ thống trung tâm cấp vùng, cấp tỉnh, trung tâm chuyên ngành tại khu kinh tế Định An và yêu cầu quản lý phát triển đối với các trung tâm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu kinh tế và vùng lân cận theo các giai đoạn phát triển; phù hợp với định hướng phát triển các khu dân cư và các khu vực chức năng. Trong đó, cần tập trung nghiên cứu đề xuất quy mô tổ chức phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cấp vùng, cấp tỉnh, cấp đô thị, hạ tầng kinh tế nông thôn, đảm bảo phát triển bền vững, gồm: hệ thống khu công nghiệp, khu vực làng nghề, dịch vụ hậu cần cảng; trung tâm dịch vụ - thương mại; hệ thống khu, cụm, điểm du lịch; các khu trung tâm hành chính tập trung;

mạng lưới trung tâm y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể dục thể thao; nhà ở và phân bố dân cư; không gian xanh và các trung tâm chuyên ngành khác.

- Xác định các khu vực kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của khu kinh tế; trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho từng khu vực; xác định cấu trúc khung cảnh quan tự nhiên, các trục cảnh quan và trục liên kết các khu chức năng trong khu kinh tế, giữa các khu chức năng với khu đô thị, hình thái phát triển chính của các khu vực nông thôn, các khu bảo tồn...

11. Điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất cần xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng khu vực chức năng trong khu kinh tế theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn. Cụ thể:

- Đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho các khu chức năng theo cấu trúc và định hướng phát triển không gian. Thiết lập ranh giới cho các khu chức năng: Khu vực phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp,... Dành quỹ đất phù hợp cho các chức năng công nghiệp, cảng biển, hậu cần cảng, đô thị, du lịch, dịch vụ, tái định cư, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và truyền dẫn năng lượng.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực chức năng nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển. Đề xuất quỹ đất xây dựng theo từng giai đoạn phát triển (ngắn hạn đến năm 2030 và dài hạn đến năm 2040) để khai thác hiệu quả quỹ đất, tập trung nguồn vốn và đầu tư trọng tâm, trọng điểm trong giai đoạn đầu. Hạn chế và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư hiện trạng trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

- Khu vực nằm trong ranh giới quy hoạch chung khu kinh tế cần được phân khu cụ thể theo chức năng để đảm bảo sự thống nhất và kết nối khi triển khai các dự án phân khu và chi tiết trong các giai đoạn sau.

- Việc điều chỉnh ranh giới, quỹ đất các khu vực chức năng, các khu vực bảo tồn tự nhiên, khai thác vùng không gian ven biển phục vụ sản xuất và du lịch, đất dự trữ phát triển,... cần đảm bảo phân bố hài hòa; giữ gìn cảnh quan, sinh thái và môi trường; thuận lợi khi triển khai thực hiện và bảo đảm tuân thủ các chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, các quy định pháp luật. Các đề xuất về quy hoạch sử dụng đất đai đảm bảo nguyên tắc tôn trọng các yếu tố thực trạng, kế thừa tối đa kết quả nghiên cứu hợp lý của đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Điều chỉnh định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Về hệ thống giao thông

+ Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hoá theo giai đoạn quy hoạch. Xây dựng chiến lược vận tải khu kinh tế để định hướng điều chỉnh mạng lưới giao thông tổng thể.

+ Xác định mối liên kết với hệ thống giao thông của quốc gia, vùng kinh tế duyên hải Nam bộ và vùng tỉnh Trà Vinh; đề xuất các giải pháp kết nối với Quốc lộ 53, 53B, tuyến hành lang ven biển, định hướng đường cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh - Cảng Định An; đề xuất định hướng phát triển đường hàng không lưỡng dụng (dân dụng kết hợp với quân sự).

+ Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội; vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển của khu kinh tế

+ Giao thông hàng hải và đường thủy nội địa: Nghiên cứu, đề xuất các công trình giao thông đường thủy gắn với không gian các khu vực chức năng trong khu kinh tế.

- Về chuẩn bị kỹ thuật: phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước. Rà soát, điều chỉnh cao độ không chế cho các khu chức năng, tính toán ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đề xuất, lựa chọn mô hình hệ thống thoát nước mưa, xác định vị trí, quy mô, mạng lưới hệ thống tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng.

- Về quy hoạch cấp nước: phân tích đánh giá tài nguyên nước ngầm và nước mặt của khu vực để đề xuất điều chỉnh các giải pháp cấp nước (lựa chọn nguồn nước) và bảo vệ nguồn nước; liên kết với các địa phương lân cận để đảm bảo nguồn cấp nước phù hợp với định hướng cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật theo từng giai đoạn.

- Về quy hoạch cấp điện, chiếu sáng: xác định chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp điều chỉnh thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thân thiện môi trường như điện gió, điện mặt trời.

- Về quy hoạch thông tin liên lạc: định hướng điều chỉnh quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch và mạng lưới truyền dẫn đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại khu kinh tế.

- Về quy hoạch thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: xác định chỉ tiêu và dự báo khối lượng thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và nhà tang lễ.

13. Đánh giá môi trường chiến lược và ứng phó biến đổi khí hậu

- Đánh giá, dự báo và đề xuất giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu đối với khu kinh tế (là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu và nước biển dâng), trên cơ sở các khuyến nghị kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, công bố và các nghiên cứu cụ thể về tác động của biến đổi khí hậu với khu kinh tế.

- Dự báo các tác động môi trường từ các hoạt động phát triển đô thị dân cư, sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, giao thông, công nghiệp, khai thác cảng và các dự án đầu tư khác trong khu kinh tế,... Đề xuất các giải pháp theo dõi, giám sát tác động môi trường và phương án thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường của các lĩnh vực trên.

14. Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

Phân kỳ tổ chức thực hiện và xác định mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển, đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện. Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần ưu tiên đầu tư; hình thành các chương trình và các dự án hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên phù hợp với quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường đợt đầu. Xác định nguồn lực, phương án huy động nguồn lực; kiến nghị cơ chế, chính sách và giải pháp dự báo thu hút vốn đầu tư để triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, KH và ĐT;
- Ban công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: XD, KH và ĐT, BQL KKT, Cục thuế Cục thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Trà Vinh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái